

Số: 102/GPMT-UBND

Long Hồ, ngày 27 tháng 6 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Nghị định số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Thực hiện Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ về việc thành lập Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường của Cơ sở Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản của Công ty TNHH De Heus - Chi nhánh Vĩnh Long 4;

Theo Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH De Heus tại văn bản số 01/CPMT-DH4 ngày 20 tháng 5 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện tại Tờ trình số 905/TTr-PNNMT ngày 30 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH De Heus, địa chỉ tại Lô A4, KCN Hòa Phú, ấp Phước Hòa, xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản của Công ty TNHH De Heus - Chi nhánh Vĩnh Long 4 với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở.

1.1. Tên Cơ sở: Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản của Công ty TNHH De Heus - Chi nhánh Vĩnh Long 4.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu 4, tuyến công nghiệp cổ Chiên, ấp Sơn Đông, xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư, mã số dự án: 4353119786 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp chứng nhận lần đầu ngày 17/4/2007, chứng điều chỉnh lần thứ 13 ngày 31/7/2024.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701091716 do Phòng Đăng ký Kinh

doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp lần đầu ngày 21/10/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 17/9/2020.

1.4. Mã số thuế: 3701091716.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản.

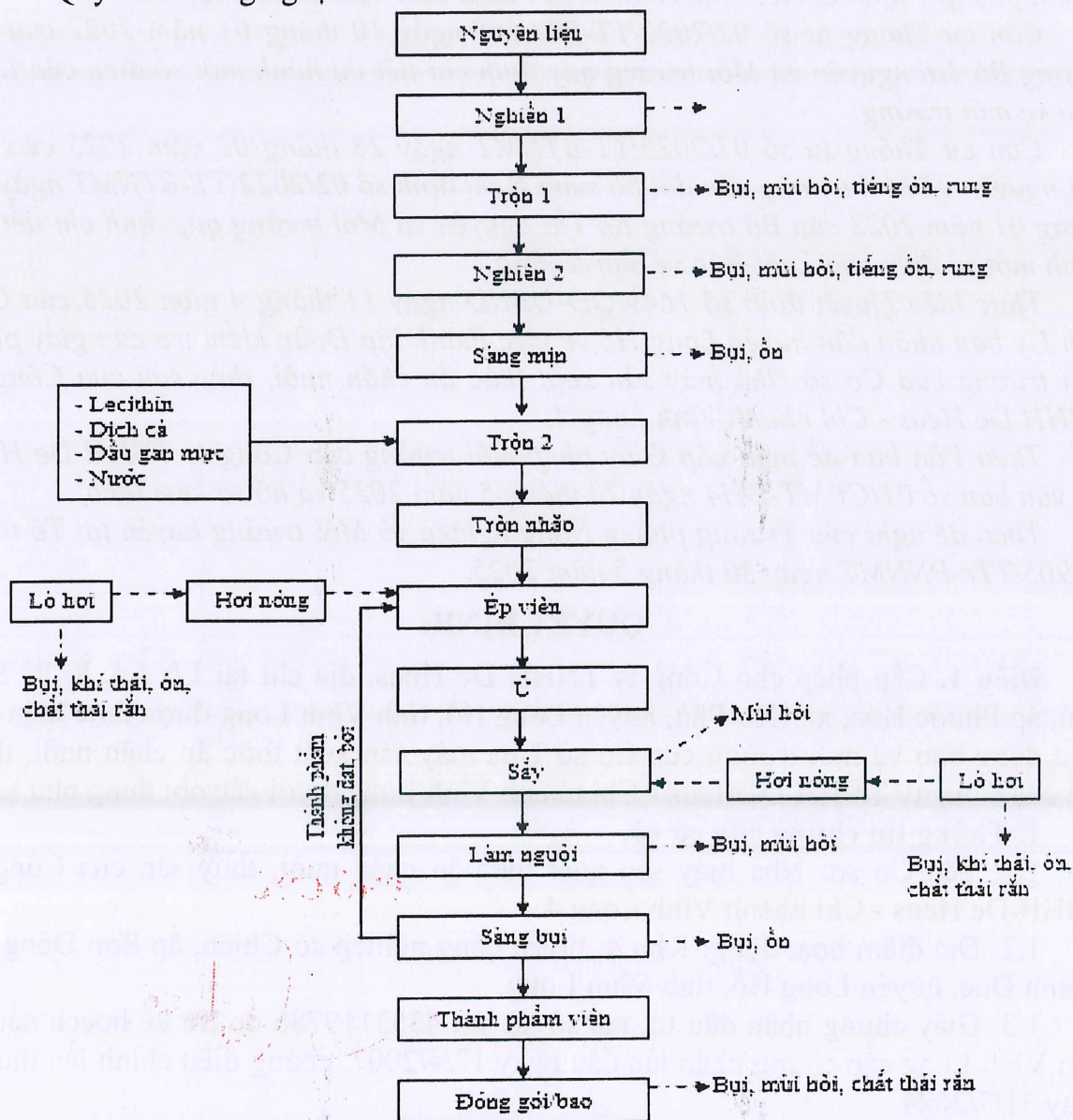
1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích thực hiện cơ sở: 29.300,4m².
- Tổng vốn đầu tư: 341.808.996.800 đồng (ba trăm bốn mươi một tỷ tám trăm lẻ tám triệu chín trăm chín mươi sáu triệu tám trăm đồng) thuộc dự án đầu tư nhóm B theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Cơ sở thuộc dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

- Công suất hoạt động của Cơ sở: 74.000 tấn sản phẩm/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất của cơ sở:



2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH De Heus có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 27 tháng 5 năm 2025 đến ngày 27 tháng 5 năm 2035).

Điều 4. Giao phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giấy phép môi trường này thay thế cho Giấy phép môi trường số 77/GPMT-UBND, ngày 30/5/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ cấp./.

Nơi nhận:

- Chủ cơ sở;
- Gửi UBND:
- CT, PCT. UBND huyện;
- Phòng NNMT huyện;
- UBND xã Thanh Đức;
- Công TTĐT của UBND huyện;
- LĐVP, NC;
- Lưu: VT, T (02 bản).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Trung Sơn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 102/GPMT-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI.

1. Nguồn phát sinh nước thải.

- Nguồn 01: Nước thải sinh hoạt.
- Nguồn 02: Nước thải từ căn tin.
- Nguồn 03: Nước thải sản xuất.
- Nguồn 04: Nước thải phòng giặt.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Cổ Chiên.

2.2. Vị trí xả nước thải.

- Ấp Sơn Đông, xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°): X = 1134172; Y = 556219.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $35\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ đương đương $1,46\text{m}^3/\text{giờ}$ (Thực tế lượng nước thải phát sinh khoảng $2,0\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (theo số liệu đồng hồ đo lưu lượng xả thải)).

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định hiện hành đối với nước thải, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, Kq=1,2; Kf=1,2) áp dụng đến hết ngày 31/12/2031	QCVN 40:2025/BTNMT (cột A) áp dụng từ ngày 01/01/2032	
1	pH	-	6 - 9	6 - 9	Không
2	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	-	≤ 40	
3	COD	mg/l	108	≤ 65	
4	BOD ₅	mg/l	43,2	≤ 40	
5	Sunfua	mg/l	0,288	$\leq 0,2$	
6	Amoni	mg/l	7,5	$\leq 5,0$	
7	Tổng Nito	mg/l	28,8	$\leq 20,0$	

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, Kq=1,2; Kf=1,2) áp dụng đến hết ngày 31/12/2031	QCVN 40:2025/BTNMT (cột A) áp dụng từ ngày 01/01/2032	
8	Tổng Photpho	mg/l	5,76	≤ 4,0	
9	Clo dư	mg/l	1,44	≤ 1,0	
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	-	≤ 5,0	
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000	≤ 3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI.

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải.

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

*Công trình thu gom nước thải.

- *Nước thải sinh hoạt:* Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh của nhân viên tại cơ sở khoảng 2,7m³/ngày.đêm, lượng nước này được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy để xử lý.

- *Nước thải từ hoạt động của căn tin:* Lượng nước thải phát sinh khoảng 1,62m³/ngày.đêm, được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy để xử lý.

- *Nước thải từ phòng giặt:* Khoảng 1,0m³/ngày.đêm được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy.

- *Nước thải sản xuất:* Lượng nước sử dụng vệ sinh thiết bị khoảng 1 m³/ngày.đêm. Lượng nước thải này được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở để xử lý.

- *Nước xả đáy lò hơi:* Định kỳ 1 tuần/lần sẽ thực hiện xả đáy lò hơi, với lượng nước xả đáy lò hơi khoảng 0,5m³/lần xả, lượng nước này được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi. Sau đó được tuần hoàn và tái sử dụng cho giai đoạn xử lý bụi ướt của hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

- *Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi:* Lò hơi của cơ sở được trang bị 1 hệ thống xử lý khí thải, hệ thống xử lý này dùng dung dịch Ca(OH)₂ hấp thụ bụi, khí thải. Lượng nước sử dụng để hấp thụ khí thải lò hơi khoảng 2 m³/ngày.đêm. Lượng nước thải sau khi hấp thụ sẽ chảy vào bể chứa dung dịch hấp thụ (3 ngăn), tại đây cặn trong nước thải sẽ được lắng lại dưới đáy bể, nước trong sẽ được tuần hoàn để xử lý khí thải. Định kỳ 1 tuần/lần sẽ vệ sinh bể chứa dung dịch hấp thụ, phần cặn lắng sẽ được thu gom và xử lý theo quy định, đối với nước thải



phát sinh khoảng $2\text{m}^3/\text{lần}$ vệ sinh sẽ được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi để xử lý. Nước thải sau khi xử lý được tuần hoàn và tái sử dụng cho giai đoạn xử lý bụi ướt của hệ thống xử lý khí thải lò hơi. Đối với phần bùn lắng từ hệ thống xử lý nước thải từ hệ thống xử lý khí thải được thu gom định kỳ 1 tháng/lần và xử lý theo quy định.

- *Nước thải từ hệ thống thu gom và làm mát khí (xử lý mùi):* khoảng $2\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, được tuần hoàn tái sử dụng, không thải bỏ.

Như vậy, Tổng lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở khoảng $10,82\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Trong đó, có khoảng $4,5\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ được tuần hoàn tái sử dụng (gồm nước xả đáy lò hơi $0,5\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$; Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi: khoảng $2\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$; Nước thải từ hệ thống thu gom và làm mát khí (xử lý mùi): khoảng $2\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$), có khoảng $6,32\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở (công suất $35\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$) để xử lý.

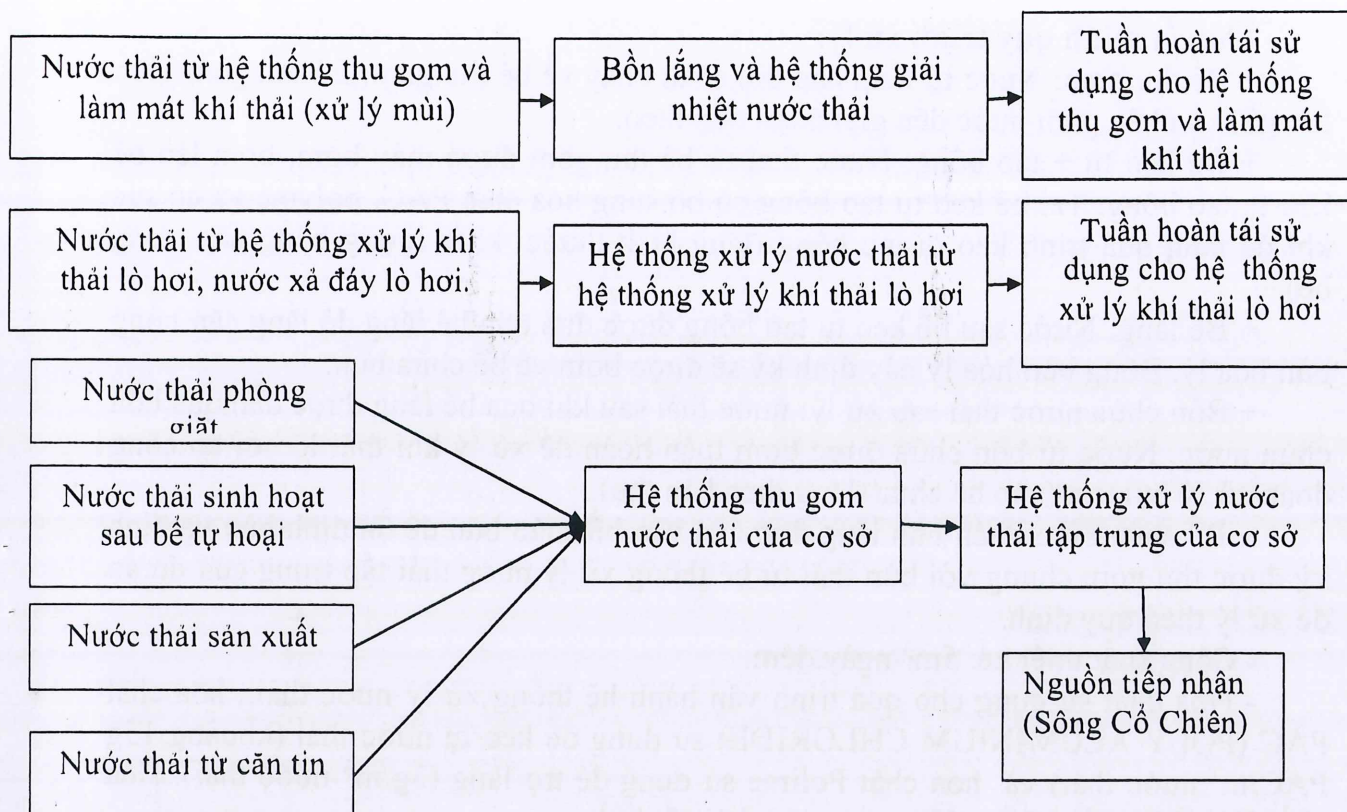
Hệ thống công thu gom nước thải của cơ sở sử dụng ống nhựa HDPE có đường kính D200, tổng chiều dài tuyến ống thu gom nước thải là 305m, trên tuyến ống thu gom nước thải có bố trí khoản 10 hố ga.

*** Công trình thoát nước thải:**

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành trước khi xả ra sông Cỏ Chiên. Hệ thống thoát nước thải của cơ sở được thiết kế bằng ống nhựa HDPE đường kính D200 chiều dài tuyến ống thoát nước thải là khoản 50m, đường công thoát nước thải được thiết kế theo hình thức tự chảy.

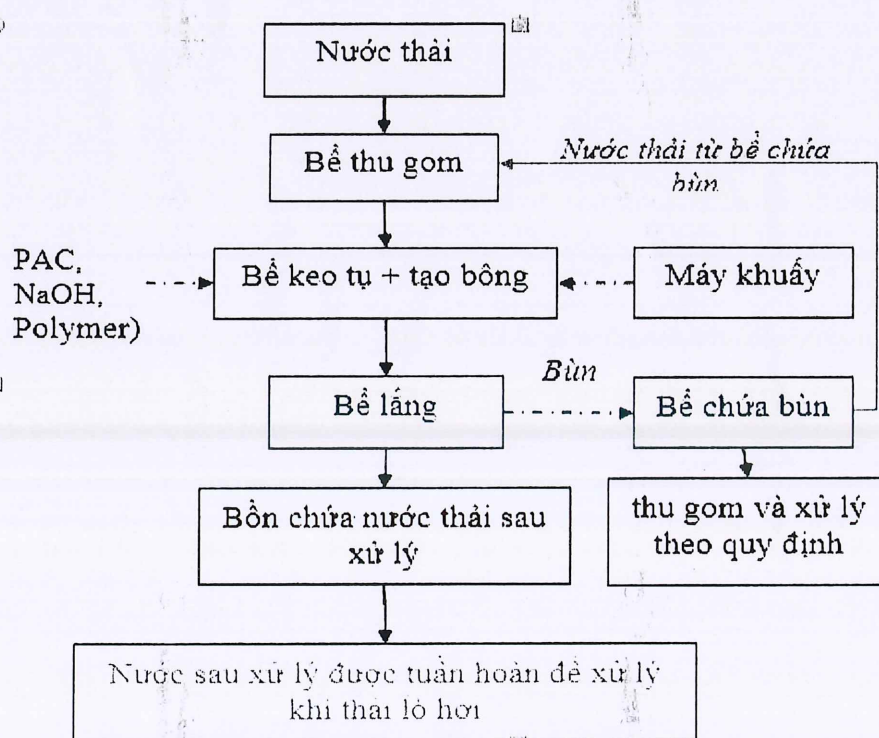
- Điểm xả nước thải sau xử lý: Nước thải sau xử lý của cơ sở được xả ra sông Cỏ Chiên qua 01 điểm đầu nổi (Toạ độ vị trí xả thải: $X=1134172$; $Y=556219$ Theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải:



1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải.

* Quy trình công nghệ xử lý nước thải lò hơi (từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi, nước xả đáy lò hơi).



Thuyết minh quy trình xử lý:

+ Bể thu gom: Nước từ tháp hấp thụ sẽ tự chảy về bể thu gom. Bể thu gom giúp lưu giữ và phân phối nước đến giai đoạn tiếp theo.

+ Bể keo tụ + tạo bông: Nước thải từ bể thu gom được máy bơm, bơm lên bể keo tụ tạo bông. Tại bể keo tụ tạo bông có bổ sung hóa chất PAC, polyme và có sục khí để tăng quá trình keo tụ tạo bông (tăng kích thước, khối lượng bông cặn trong bể).

+ Bể lắng: Nước sau bể keo tụ tạo bông được đưa qua bể lắng để lắng cặn bông bùn hóa lý. Bông bùn hóa lý này định kỳ sẽ được bơm về bể chứa bùn.

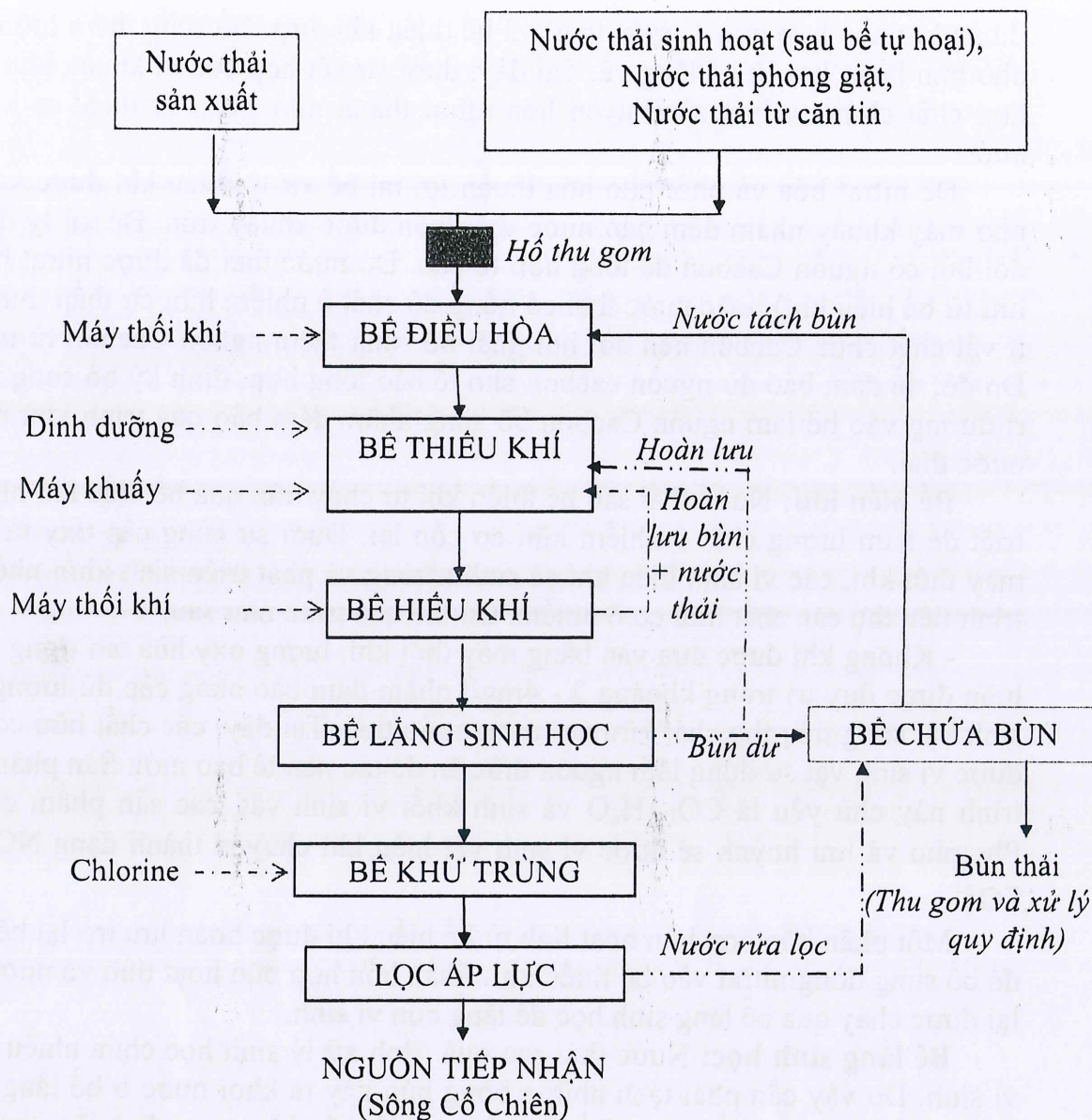
+ Bồn chứa nước thải sau xử lý: nước thải sau khi qua bể lắng được dẫn qua bồn chứa nước. Nước từ bồn chứa được bơm tuần hoàn để xử lý khí thải lò hơi tại công đoạn xử lý bụi ướt (vào bể chứa dung dịch hấp thụ).

+ Bể chứa bùn: Phần bùn lắng được xả vào bể chứa bùn để ổn định bùn và định kỳ được thu gom chung với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý theo quy định.

- Công suất thiết kế: $5\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải: hóa chất PAC (POLY ALUMINIUM CHLORIDE) sử dụng để keo tụ nước thải (khoảng $15\text{g PAC}/\text{m}^3$ nước thải) và hóa chất Polime sử dụng để trợ lắng ($3\text{g}/\text{m}^3$ nước thải). Hóa chất Xút ($15\text{g}/\text{m}^3$), nâng pH trong nước thải ($5\text{g}/\text{m}^3$).

*** Hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở:**



Thuyết minh quy trình xử lý nước thải:

Hố thu gom: Nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở được dẫn về hố thu gom, để thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở. Tại hố thu gom có bố trí 2 bơm chìm hoạt động luân phiên để bơm nước thải lên bể điều hòa.

Bể điều hòa: Bể điều hòa có chức năng điều hòa lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải. Tại bể điều hòa có cung cấp khí vào bể (với tốc độ sục khí chậm) nhằm điều hòa nồng độ các chất ô nhiễm và không để các chất hữu cơ lắng trong bể điều hòa. Tại đây, có lắp đặt hai bơm hoạt động luân phiên có nhiệm vụ bơm nước từ bể điều hòa lên bể Thiêu khí và được điều khiển bởi hệ thống phao với 2 mức nước (cạn tắt, đầy bơm).

Bể thiêu khí: Nước thải từ bể điều hòa được bơm qua bể thiêu khí. Lợi dụng vi sinh vật thiếu khí trong bể thiêu khí thực hiện phản ứng khử nitơ chuyển NO_2^- và NO_3^- thành khí N_2 thoát ra ngoài môi trường, nhằm loại bỏ hàm lượng amonia và tổng nitơ trong nước thải. Từ bể hiếu khí dòng nitrat được cấp liên tục vào bể thiêu khí

(hoàn lưu hỗn hợp bùn + nước thải) và bể thiếu khí được bổ sung thêm lượng vi sinh nhờ bùn hoàn lưu từ bể lắng về. Tại đây, dưới sự kết hợp của vi khuẩn khử nitrat và hợp chất chứa cacbon sẽ chuyển hóa nitrat thành nitơ phân tử thoát ra khỏi dòng nước.

Để nitrat hóa và phot pho hóa thuận lợi tại bể xử lý thiếu khí được khuấy trộn nhờ máy khuấy nhằm đảm bảo nước thải luôn được khuấy trộn. Để xử lý được Nitơ đòi hỏi có nguồn Cacbon để tổng hợp tế bào. Do nước thải đã được nitrat hóa (hoàn lưu từ bể hiếu khí) hoặc nước thải có nồng độ chất ô nhiễm hữu cơ thấp thường chứa ít vật chất chứa Cacbon nên đòi hỏi phải bổ sung thêm nguồn Cacbon từ ngoài vào. Do đó, để đảm bảo đủ nguồn cacbon cho tế bào tổng hợp, định kỳ bổ sung thêm mật rỉ đường vào bể làm nguồn Cacbon bổ sung nhằm đảm bảo quá trình khử nitơ trong nước thải.

Bể hiếu khí: Nước thải sau bể thiếu khí tự chảy tràn qua bể hiếu khí nhằm xử lý triệt để hàm lượng chất ô nhiễm hữu cơ còn lại. Dưới sự cung cấp oxy từ hệ thống máy thổi khí, các vi sinh hiếu khí sẽ sinh trưởng và phát triển sinh khối nhờ vào quá trình tiêu thụ các chất hữu cơ ô nhiễm. Cụ thể quá trình như sau:

- Không khí được đưa vào bằng máy thổi khí, lượng oxy hòa tan trong nước thải luôn được duy trì trong khoảng 2 - 4mg/l nhằm đảm bảo cung cấp đủ lượng oxy cho sinh vật sống tiêu thụ chất hữu cơ trong nước thải. Tại đây, các chất hữu cơ ô nhiễm được vi sinh vật sử dụng làm nguồn thức ăn để tạo nên tế bào mới. Sản phẩm của quá trình này chủ yếu là CO_2 , H_2O và sinh khối vi sinh vật, các sản phẩm chứa Nitơ, Photpho và lưu huỳnh sẽ được vi sinh vật hiếu khí chuyển thành dạng NO_3^- , PO_4^{3-} , SO_4^{2-} .

Một phần hỗn hợp bùn hoạt tính từ bể hiếu khí được hoàn lưu trở lại bể thiếu khí để bổ sung dòng nitrat vào bể thiếu khí. Phần hỗn hợp bùn hoạt tính và nước thải còn lại được chảy qua bể lắng sinh học để lắng bùn vi sinh.

Bể lắng sinh học: Nước thải sau quá trình xử lý sinh học chứa nhiều bông bùn vi sinh. Do vậy cần phải tách những bông bùn này ra khỏi nước ở bể lắng trước khi qua quá trình xử lý tiếp theo. Bể lắng được thiết kế nhằm mục đích lắng bông bùn vi sinh bằng quá trình lắng trọng lực. Bể chia làm 3 phần:

- Phần nước trong.
- Phần lắng.
- Phần chứa bùn.

Nước được đưa vào qua máng phân phối rồi từ đó phân phối nước vào đầu bể. Dưới tác dụng của trọng lực các bông bùn vi sinh lắng xuống đáy, nước trong di chuyển lên trên. Phần nước trong sẽ thông qua hệ thống máng tràn tự chảy vào bể khử trùng. Một phần bùn lắng sẽ được hoàn lưu về bể thiếu khí, phần bùn dư sẽ được bơm hút về bể chứa bùn.

Bể khử trùng: Tại bể khử trùng được châm dung dịch Clorine 5%, nước thải để loại bỏ thành phần vi sinh vật gây bệnh trước bơm qua bồn lọc áp lực.

Bồn lọc áp lực: Bồn lọc áp lực có chức năng lọc các cặn lơ lửng còn sót lại trong nước thải trước khi dẫn thoát ra nguồn tiếp nhận (sông Cổ Chiên) qua 1 điểm xả thải. Định kỳ 1 tháng/lần, nhân viên sẽ thực hiện rửa lọc nhằm đảm bảo hiệu quả của hệ thống lọc áp lực. Nước rửa lọc sẽ được dẫn về bể chứa bùn.

Bể chứa bùn: Nước rửa lọc và lượng bùn dư từ bể lắng sinh học được bơm về bể chứa bùn để ổn định bùn, phần nước sau khi tách bùn tại bể chứa bùn sẽ được dẫn về bể điều hòa để xử lý. Phần bùn thải, định kỳ chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Công suất thiết kế: 35m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng chủ yếu là Chlorine khử trùng nước thải, với định mức khoảng 5mg/l. Dinh dưỡng (mật rỉ đường); định mức tiêu thụ khoảng 10kg/tháng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

- Thường xuyên vệ sinh song chắn rác, hạn chế tắc nghẽn.

- Trang bị dự phòng máy thổi khí, máy bơm để thay thế khi máy thổi khí, máy bơm có sự cố không hoạt động.

- Thường xuyên kiểm tra mật độ bùn trong bể anoxic.

- Định kỳ thu gom bùn dư từ bể lắng về bể chứa bùn, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý bùn theo quy định.

- Theo dõi, thường xuyên việc châm hóa chất khử trùng cho bể khử trùng và các hóa chất keo tụ cho bể phản ứng.

- Thường xuyên thực hiện rửa lọc cho bồn lọc áp lực.

- Lập sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm.

Không thuộc đối tượng vận hành hệ thống xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Không có.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Không có.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 102/GPMT-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 1: Khí thải lò hơi (1 ống khói thoát ra bên ngoài nhà lò hơi).
- Nguồn số 2: Bụi từ công đoạn nhập liệu (1 ống thoát bên ngoài nhà xưởng).
- Nguồn số 3: Bụi từ công đoạn nghiền 1 (2 ống thoát bên ngoài nhà xưởng).
- Nguồn số 4: Bụi từ công đoạn nghiền 2 (4 ống thoát bên ngoài nhà xưởng).
- Nguồn số 5: Bụi từ công đoạn sấy và làm nguội (1 ống thoát bên ngoài nhà xưởng).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải.

2.1. Vị trí xả khí thải.

STT	Vị trí các nguồn thải	Tọa độ (VN 2000)	
		X	Y
1	Ống khói lò hơi (cao 15 m so với nền nhà xưởng)		
	Ống khói	1134111	556305
2	Ống thoát của hệ thống lọc bụi túi vải công đoạn nhập liệu (1 ống thoát ra bên ngoài nhà xưởng)		
	Ống thoát 01	1134073	556230
3	Ống thoát của hệ thống lọc bụi túi vải công đoạn Nghiền 1 (2 ống thoát ra bên ngoài nhà xưởng)		
	Ống thoát 01	1134075	556225
	Ống thoát 02	1134071	556229
4	Ống thoát của hệ thống lọc bụi túi vải công đoạn Nghiền 2 (4 ống thoát ra bên ngoài nhà xưởng)		
	Ống thoát 01	1134072	556223
	Ống thoát 02	1134074	556220
	Ống thoát 03	1134078	556217
	Ống thoát 04	1134075	556215
5	Ống thoát của hệ thống thu gom và làm mát khí thải từ công đoạn sấy và làm nguội (1 ống thoát ra bên ngoài nhà xưởng)		
	Ống thoát 01	1134081	556242

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 9.168.000 m³/ngày (24 giờ), tương đương 382.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: xả liên tục khi có hoạt động sản xuất (qua ống khói/ ống thoát khí).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi,

khí thải, cụ thể như sau:

**Đối với khí thải lò hơi.*

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kp= 0,8, Kv=1) áp dụng đến ngày 31/12/2031	QCVN 19:2024/BTNMT (cột B) áp dụng từ ngày 01/01/2032	
1	Lưu lượng	-	-	-	Không
2	Bụi tổng (PM)	mg/Nm ³	160	≤50	
3	CO	mg/Nm ³	800	≤400	
4	SO ₂	mg/Nm ³	400	≤350	
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	680	≤400	

**Đối với khí thải từ quy trình sản xuất:*

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kp= 0,8, Kv=1) áp dụng đến ngày 31/12/2031	QCVN 19:2024/BTNMT (cột B) áp dụng từ ngày 01/01/2032	
1	Lưu lượng thải	-	-	-	Không
2	Bụi tổng (PM)	mg/Nm ³	160	≤80	
3	Amoniac (NH ₃)	mg/Nm ³	40	≤20	
4	Hydro sunphua (H ₂ S)	mg/Nm ³	6	≤7	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ

THẢI.

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có).

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- **Đối với các công đoạn nhập liệu, trộn 1, nghiền 1, nghiền 2:** chủ cơ sở bố trí 8 hệ thống hệ thống lọc bụi túi vải để thu gom và xử lý bụi cho các công đoạn trên, cụ thể như sau:

+ 1 hệ thống lọc bụi túi vải tại công đoạn trộn 1 (1 ống thoát bên trong nhà xưởng).

+ 1 hệ thống lọc bụi túi vải tại khu vực nhập liệu (1 ống thoát bên ngoài nhà xưởng).

+ 2 hệ thống lọc bụi túi vải tại công đoạn nghiền 1 (2 ống thoát bên trong nhà xưởng).

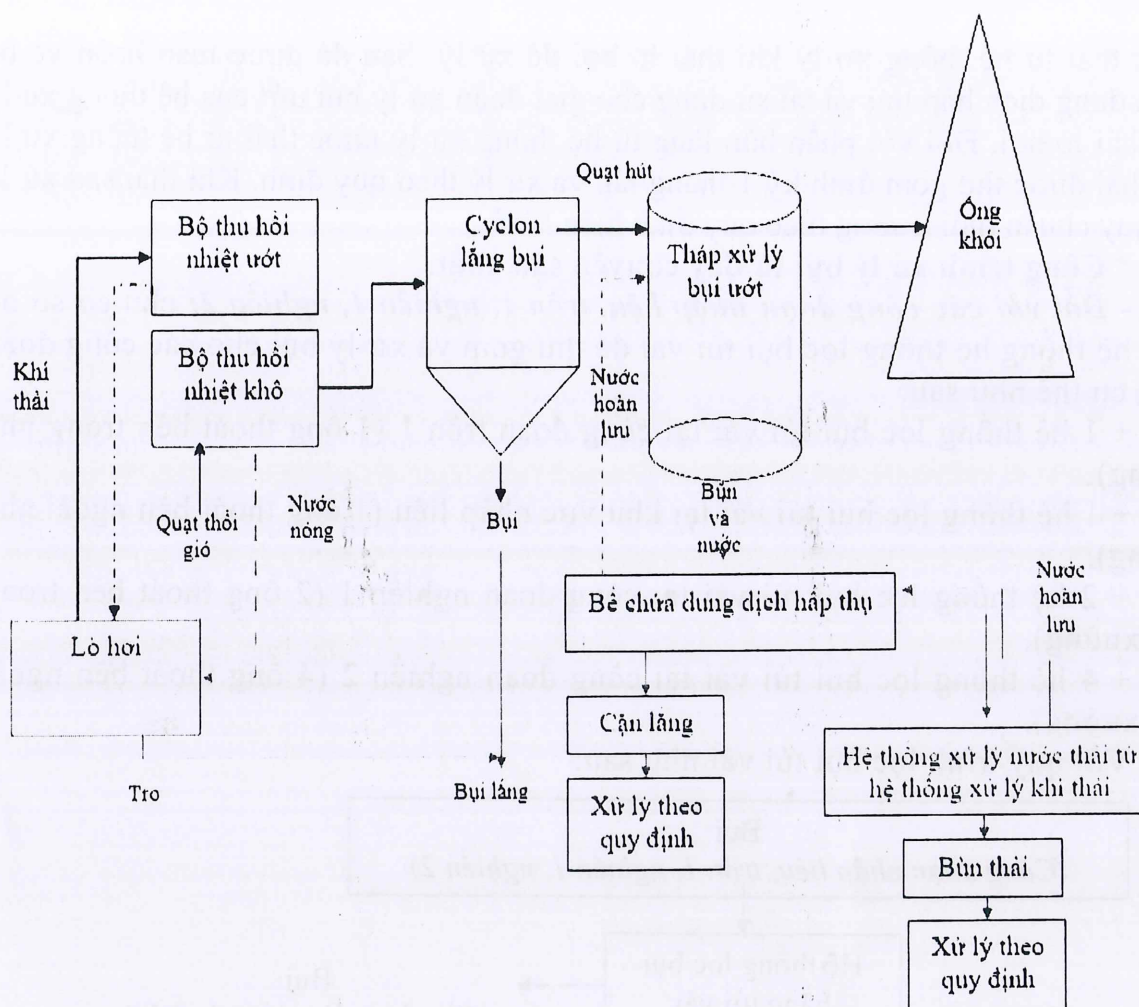
+ 4 hệ thống lọc bụi túi vải tại công đoạn nghiền 2 (4 ống thoát bên ngoài nhà xưởng).

- **Đối với công đoạn sấy và làm nguội:** chủ cơ sở bố trí kết hợp hệ thống lọc bụi túi vải kết hợp với hệ thống thu gom, làm mát khí thải bằng biện pháp hấp thụ để xử lý (bao gồm 8 hệ thống lọc bụi túi vải, 1 hệ thống thu gom làm mát khí thải, tương ứng 1 đường thoát khí thải ra bên ngoài nhà xưởng).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải.

* Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải từ hoạt động của lò hơi.

Cơ sở sử dụng 1 lò hơi (5 tấn hơi//giờ) và có lắp đặt 1 hệ thống xử lý khí thải đi kèm lò hơi. Quy trình công nghệ xử lý khí thải lò hơi của cơ sở như sau:



Thuyết minh quy trình:

Khí thải sau khi ra khỏi lò hơi được thu gom dẫn vào bộ thu hồi nhiệt (bộ thu hồi nhiệt nước và bộ thu hồi nhiệt gió); tại đây, nước và gió làm cho nhiệt độ của dòng khói giảm xuống. Dòng khói sau khi qua bộ thu hồi nhiệt sẽ được dẫn qua Cyclon lắng bụi để loại bỏ thành phần bụi có trong khí thải bằng phương pháp trọng lực. Dòng khói đi theo chiều tiếp tuyến với thành Cyclon theo hình xoắn ốc và sau đó lắng tại đáy của Cyclon. Bụi rơi lại đáy cyclon được thu gom vào bao chứa, xử lý cùng tro trấu phát sinh khi đốt nhiên liệu.

Sau khi qua Cyclon lắng bụi, dòng khí sẽ được hút qua tháp xử lý bụi ướt. Tại đây, lượng nước sẽ được bơm từ bể chứa dung dịch hấp thụ (bằng dung dịch Ca(OH)_2 dung dịch có tính để hấp thụ khí thải có tính axit) lên đỉnh tháp thông qua các béc phun, nước di chuyển từ trên xuống, dòng khí đi vào tháp theo hướng từ dưới lên trong quá trình di chuyển dòng khí sẽ tiếp xúc với nước, lượng bụi và các thành phần ô nhiễm trong nước thải sẽ bị hấp thụ bởi nước. Dòng khí sạch sẽ theo ống khói thoát ra môi trường.

Lượng nước thải sau khi hấp thụ sẽ chảy vào bể chứa dung dịch hấp thụ sau đó được đã qua hệ thống xử lý nước thải từ hệ thống xử lý khí thải. Định kỳ 1 tuần/lần sẽ vệ sinh bể chứa dung dịch hấp thụ, phần cặn lắng sẽ được thu gom và xử lý cùng với tro theo đúng quy định, đối với nước thải sẽ được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý

nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi để xử lý. Sau đó được tuần hoàn về bể chứa dung dịch hấp thụ và tái sử dụng cho giai đoạn xử lý bụi ướt của hệ thống xử lý khí thải lò hơi. Đối với phần bùn lắng từ hệ thống xử lý nước thải từ hệ thống xử lý khí thải được thu gom định kỳ 1 tháng/lần và xử lý theo quy định. Khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường theo quy định hiện hành.

*** Công trình xử lý bụi từ dây chuyền sản xuất.**

- **Đối với các công đoạn nhập liệu, trộn 1, nghiền 1, nghiền 2:** chủ cơ sở bố trí 8 hệ thống hệ thống lọc bụi túi vải để thu gom và xử lý bụi cho các công đoạn trên, cụ thể như sau:

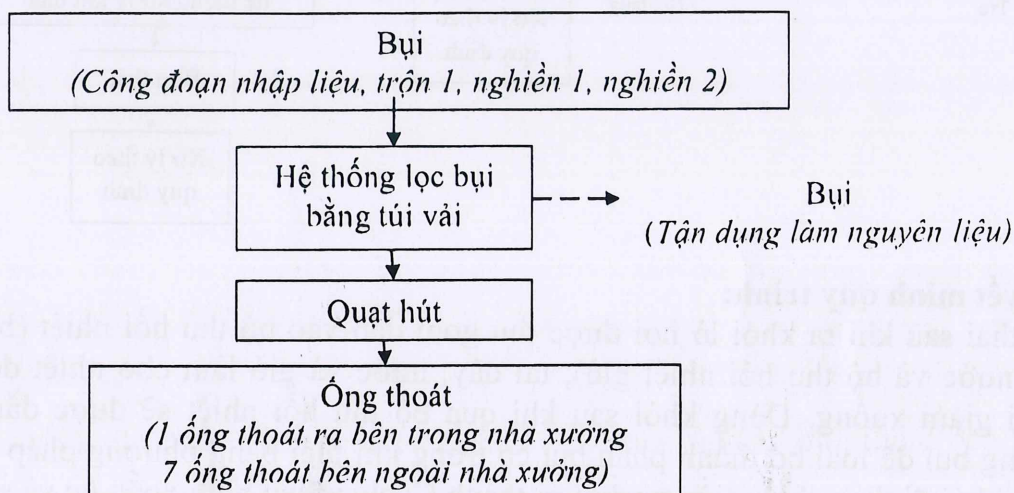
+ 1 hệ thống lọc bụi túi vải tại công đoạn trộn 1 (1 ống thoát bên trong nhà xưởng).

+ 1 hệ thống lọc bụi túi vải tại khu vực nhập liệu (1 ống thoát bên ngoài nhà xưởng).

+ 2 hệ thống lọc bụi túi vải tại công đoạn nghiền 1 (2 ống thoát bên trong nhà xưởng).

+ 4 hệ thống lọc bụi túi vải tại công đoạn nghiền 2 (4 ống thoát bên ngoài nhà xưởng).

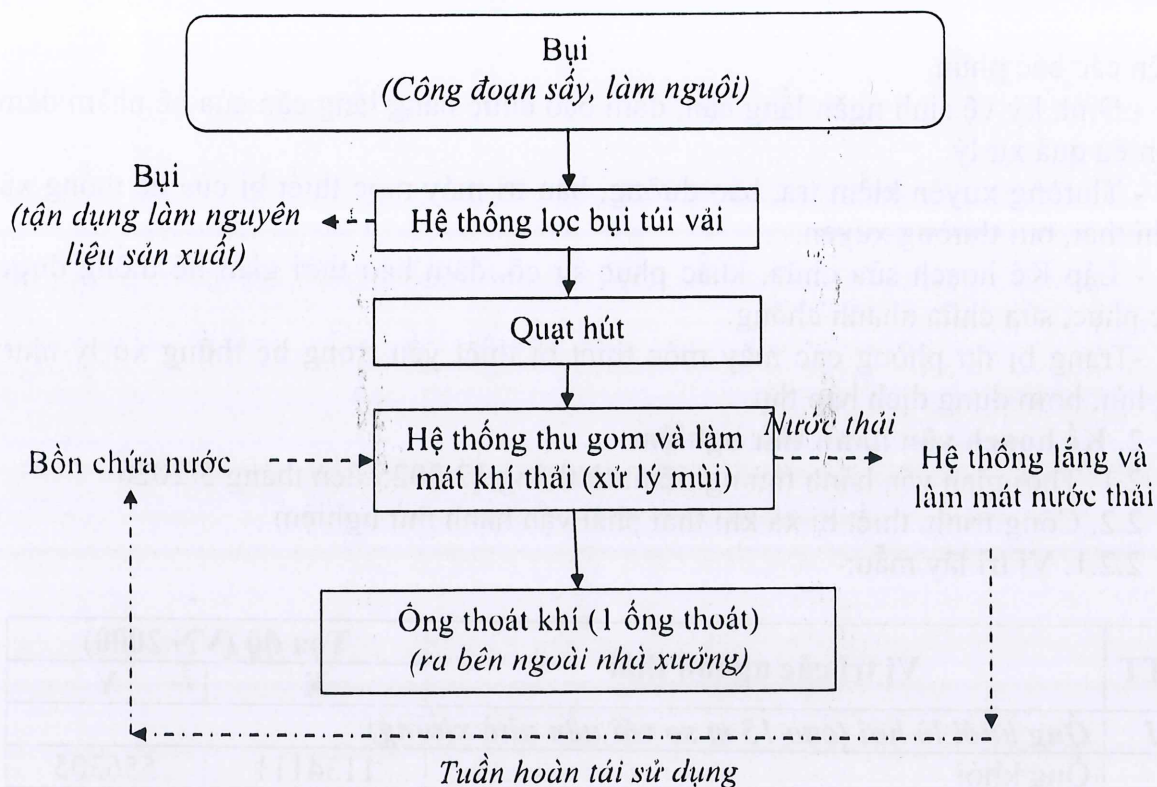
Với quy trình lọc bụi túi vải như sau:



Nguyên lý làm việc của hệ thống:

Bụi phát sinh từ các công đoạn nhập liệu, trộn 1 sẽ được hút vào các túi vải nhờ vào quạt hút bố trí sau hệ thống lọc bụi túi vải nhằm tạo áp suất âm để hút bụi. Bụi sẽ được giữ lại trên túi vải, khí sạch sẽ theo ống thoát thoát ra môi trường (1 ống thoát ra bên trong nhà xưởng, 7 ống thoát ra bên ngoài nhà xưởng). Thường xuyên vệ sinh túi vải bằng khí nén, bụi nguyên liệu thu hồi từ túi vải được tận dụng làm nguyên liệu.

- **Đối với công đoạn sấy và làm nguội:** chủ cơ sở bố trí kết hợp hệ thống lọc bụi túi vải kết hợp với hệ thống thu gom, làm mát khí thải bằng biện pháp hấp thụ để xử lý (bao gồm 8 hệ thống lọc bụi túi vải, 1 hệ thống thu gom làm mát khí thải, tương ứng 1 đường thoát khí thải ra bên ngoài nhà xưởng), với quy trình xử lý như sau:



Nguyên lý làm việc của hệ thống:

Các công đoạn sản xuất như sấy và làm nguội có phát sinh bụi và dòng khí có nhiệt độ cao, đầu tiên dòng khí sẽ được hút vào hệ thống lọc bụi túi vải thông qua quạt hút. Bụi có trong dòng khí sẽ được giữ lại trên túi vải (bụi nguyên liệu thu hồi từ túi vải được tận dụng làm nguyên liệu), sau đó dòng khí được quạt hút đẩy vào hệ thống thu gom và làm mát khí thải. Nguyên lý của hệ thống thu gom và làm mát khí thải như sau:

Đầu tiên dòng khí sẽ được đưa vào bồn thu gom làm mát khí thải 2 tầng (xử lý mùi). Tại mỗi tầng của bồn thu gom làm mát khí thải có bố trí các tấm chắn nước làm giảm tốc độ gió bằng nhựa PP chịu nhiệt đến 90°C, tại đây cũng được bố trí các béc phun nước để giảm nhiệt độ dòng khí thải. Dòng khí trong bồn thu gom làm mát sẽ di chuyển theo chiều ngang tiếp xúc với các tấm chắn nước làm giảm tốc độ gió và nhiệt độ của dòng khí cũng giảm dần khi tiếp xúc với nước từ các béc phun. Sau đó dòng khí tiếp tục di chuyển lên tầng 2 và tiếp tục di chuyển theo chiều ngang và tiếp xúc với các tấm chắn nước, khi đó nhiệt độ dòng khí sẽ xuống thấp. Dòng khí sau đó sẽ được thoát ra ngoài qua ống thoát (1 ống thoát). Lượng nước làm mát khí sẽ được chảy về bồn lắng và được giải nhiệt qua tháp giải nhiệt, sau đó được tuần hoàn tái sử dụng tiếp tục cho hệ thống xử lý bụi từ công đoạn sản xuất (bổ sung thêm lượng nước khi thiếu học do bị bốc hơi).

Định kỳ 1 tháng/lần, công nhân sẽ thực hiện thu gom cặn bùn và xử lý chung với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không có 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra và vệ sinh các béc phun. Đảm bảo hệ thống ngăn lắng cặn vận hành hiệu quả nhằm hạn chế cặn lắng chảy về bể chứa dung dịch làm tắc

nghe các bác phun.

- Định kỳ vệ sinh ngăn lắng cặn, đảm bảo chức năng lắng cặn của bể nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, bụi thường xuyên.

- Lập Kế hoạch sửa chữa, khắc phục sự cố, đảm bảo thời gian hệ thống được khắc phục, sửa chữa nhanh chóng.

- Trang bị dự phòng các máy móc thiết bị thiết yếu trong hệ thống xử lý như: quạt hút, bơm dung dịch hấp thụ...

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ tháng 12/2025 đến tháng 5/2026

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

STT	Vị trí các nguồn thải	Tọa độ (VN 2000)	
		X	Y
1	Ống khói lò hơi (cao 15 m so với nền nhà xưởng)		
	Ống khói	1134111	556305
2	Ống thoát của hệ thống lọc bụi túi vải công đoạn nhập liệu (1 ống thoát ra bên ngoài nhà xưởng)		
	Ống thoát 01	1134073	556230
3	Ống thoát của hệ thống lọc bụi túi vải công đoạn Nghiền 1 (2 ống thoát ra bên ngoài nhà xưởng)		
	Ống thoát 01	1134075	556225
	Ống thoát 02	1134071	556229
4	Ống thoát của hệ thống lọc bụi túi vải công đoạn Nghiền 2 (4 ống thoát ra bên ngoài nhà xưởng)		
	Ống thoát 01	1134072	556223
	Ống thoát 02	1134074	556220
	Ống thoát 03	1134078	556217
	Ống thoát 04	1134075	556215
5	Ống thoát của hệ thống thu gom và làm mát khí thải từ công đoạn sấy và làm nguội (1 ống thoát ra bên ngoài nhà xưởng)		
	Ống thoát 01	1134081	556242

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Lưu lượng thải; Bụi tổng (PM); Amoniac (NH_3); Hydro sunphua (H_2S).

2.3. Tần suất lấy mẫu: 3 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Không có.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không có.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 102/GPMT-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 1: Phát sinh từ hoạt động giao thông (Khu vực Bãi đậu xe tải).
- Nguồn số 2: Phát sinh từ hoạt động giao thông (Khu vực nhà xe).
- Nguồn số 3: Phát sinh từ hoạt động của máy móc thiết bị sản xuất (Khu sản xuất).
- Nguồn số 4: Phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 5: Phát sinh từ hoạt động của lò hơi.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 1: Khu vực Bãi đậu xe tải: Tọa độ (Theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiều 3°): X=1133896, Y=556189.
- Nguồn số 2: Khu vực nhà xe: Tọa độ (Theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiều 3°): X=1133972, Y=556155.
- Nguồn số 3: Khu sản xuất: Tọa độ (Hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiều 3°): X=1134086, Y=556242.
- Nguồn số 4: Khu vực máy phát điện dự phòng: Tọa độ (Theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiều 3°): X=1133999, Y=556163.
- Nguồn số 5: Khu vực lò hơi: Tọa độ (Theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiều 3°): X=114134, Y=556393.

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn (Theo QCVN 26:2010/BTNMT), cụ thể như sau:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Nhà xưởng được xây tường bao xung quanh kiên cố, các thiết bị được lắp đặt bên trong xưởng sản xuất nên hạn chế và cách ly tiếng ồn phát tán ra ngoài.
- Bảo dưỡng, bảo trì các phương tiện vận chuyển và sửa chữa khi cần thiết.
- Bố trí hợp lý thời gian xe vận chuyển ra vào nhà máy.
- Định kỳ kiểm tra, vô dầu mỡ, sửa chữa và thay mới những chi tiết bị mòn, bị hư hỏng.
- Lắp đặt đệm cao su ở chân đế máy móc, thiết bị để giảm thiểu tiếng ồn do thiết bị gây ra. Định kỳ thay mới đệm cao su theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Hoạt động của cơ sở đảm bảo thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đạt quy chuẩn 26:2010/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.



Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 102/GPMT-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (bóng đèn led thải)	Rắn	3	16 01 13
2	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau thải nhiễm dầu, nhớt thải,...)	Rắn	20	18 02 01
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	120	17 02 03
4	Pin thải (Pin thải từ hoạt động văn phòng)	Rắn	3	16 01 12
5	Hộp chứa mực in thải	Rắn	4	08 02 04
6	Bao bì nhựa cứng thải (thùng chứa hóa chất, dầu mỡ)	Rắn	15	18 01 03
7	Bao bì mềm thải (bao bì chứa hóa chất)	Rắn	5	18 01 01
Tổng khối lượng		-	170	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh.

STT	Chủng loại chất thải	Khối lượng (kg/ngày)	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì, giấy carton, ...	90	28.080
2	Tro trấu	600	187.200
3	Bụi tro và Cặn lắng từ HTXL khí thải lò hơi, hệ thống thu gom và làm mát khí thải	2	624
4	Bùn lắng từ hệ thống tiền xử lý nước thải	2	624
5	Bùn lắng từ hệ thống xử lý nước thải	7	2.184
6	Các thùng chứa nguyên liệu	-	500
Tổng cộng		701	219.212

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

Chất thải rắn sinh hoạt: khoảng 30 kg/ngày.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Không có.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Bố trí kho chứa trong nhà.
- Diện tích kho chứa trong nhà: 7m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa trong nhà: Vách tường, mái tôn, nền láng vữa xi măng, có cửa kín.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bố trí kho chứa trong nhà.
- Diện tích kho chứa trong nhà: 18m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa trong nhà: Vách tường, mái tôn, nền láng vữa xi măng, có cửa kín.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Khu vực lưu chứa: Khu vực đường nội bộ.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.

1. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố cháy nổ:

- Lắp đặt hệ thống điện và dây dẫn phù hợp với vị trí thiết bị và công suất của thiết bị.
- Trang bị hộp nước vách tường, hồ chứa nước PCCC, máy bơm nước PCCC đúng quy định, lập đội PCCC và đưa nhân viên tham dự các buổi tập huấn về PCCC do Phòng cảnh sát PCCC tổ chức.
- Bố trí kim thu sét cho mái của các kho, xưởng bảo trì, văn phòng, các si lô, ống khói lò hơi và khu sản xuất để phòng, chống sét đánh.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống làm lạnh của Kho lạnh định kỳ.
- Lập nội quy, tiêu lệnh phòng chống cháy nổ và phổ biến cho toàn bộ công nhân viên của cơ sở.

2. Phòng ngừa sự cố lò hơi:

- Lập bảng nội quy hướng dẫn vận hành và khắc phục cố thường gặp tại khu vực lò hơi.
- Sử dụng nước cấp cho lò hơi theo đúng quy định của nhà sản xuất.
- Sử dụng lò hơi có các thông số kỹ thuật đúng quy định và có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền. Thường xuyên kiểm tra hệ thống ống dẫn hơi và các đồng hồ đo nhiệt độ, áp suất. Định kỳ bảo trì, sửa chữa lò hơi và hợp đồng đơn vị chuyên môn thẩm định chất lượng lò hơi đúng quy định.
- Sử dụng bông Rockwool dày 100mm và thép mạ màu dày 0,5 mm bao bọc bên ngoài, nhằm chống nhiệt từ thân lò và ống dẫn gây bỏng cho công nhân.

3. Phòng ngừa rủi ro mất an toàn lao động

- Thường xuyên giáo dục, nhắc nhở công nhân thực hiện nghiêm túc Luật giao thông.
- Phân công nhân viên theo dõi và hướng dẫn phương tiện ra vào, đậu đỗ đúng

nơi quy định.

- Lắp đặt các biển báo, biển chỉ dẫn giao thông trong khu vực của cơ sở.

4. Phòng ngừa sự cố mất an toàn giao thông:

- *Đối với giao thông bộ:*

+ Phòng ngừa các rủi ro về mất an toàn giao thông đường bộ được thực hiện theo Luật giao thông đường bộ.

+ Thường xuyên giáo dục, nhắc nhở công nhân thực hiện nghiêm túc Luật giao thông.

+ Phân công nhân viên theo dõi và hướng dẫn phương tiện ra vào, đậu đỗ đúng nơi quy định.

- + Lắp đặt các biển báo, biển chỉ dẫn giao thông trong khu vực dự án.

- *Đối với giao thông thủy:*

+ Yêu cầu khách hàng, bên cung cấp nguyên liệu không neo đậu phương tiện thủy lấn chiếm luồng giao thông thủy.

+ Neo đậu phương tiện thủy ở bến sông dự án vào ban đêm phải đốt đèn hiệu.

+ Sắp xếp gọn bãi tải nhập, xuất hàng ngay khi sử dụng.

+ Chủ cơ sở có bố trí biển báo tại khu vực bến neo đậu.

5. Phòng chống sạt lở bờ sông:

- Để phòng chống sạt lở bờ, chủ cơ sở đã xây dựng kè bê tông để gia cố. Ngoài ra, còn phân công nhân viên thường xuyên theo dõi tình trạng bờ kè để sớm phát hiện hư hỏng, rạn nứt gia cố kịp thời.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các phương tiện xuất nhập hàng tại cầu cảng để kịp thời phát hiện và có biện pháp xử lý kịp thời khi có hiện tượng rạn nứt, sụt lún./.

